

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/DS-ST

Ngày: 17-02-2025

V/v tranh chấp

Hợp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Kim Liên và ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1156/2024/TLST - DS, ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 785/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Anh N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang. Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C, chứng nhận có số công chứng 417, ngày 21/8/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

2.2 Bà Võ Phương L, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thể hiện

nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Do quen biết nên bà T có cho bà L, ông G vay số tiền 960.000.000 đồng theo Giấy nợ ngày 13/3/2024 để trả tiền vay ngân hàng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày tuy nhiên nhiều lần bà T yêu cầu bà L, ông G trả nợ nhưng bà L, ông G không thực hiện.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Phương L và ông Nguyễn Hoàng G liên đới nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 960.000.000 theo Giấy nợ ngày 13/3/2024 và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày vụ án xét xử. Tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2024 đến ngày 24/10/2024 là 07 tháng, tổng số tiền lãi là 112.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa ngày 17 tháng 02 năm 2025:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là bà Ngô Thị Anh N trình bày: Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi buộc bà L và ông G liên đới nghĩa vụ trả số tiền 960.000.000 theo Giấy nợ ngày 13/3/2024. Đối với yêu cầu bà L và ông G trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử (Tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2024 đến ngày 24/10/2024 là 07 tháng, tổng số tiền lãi là 112.000.000 đồng) bà T rút lại không yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi và chấp nhận yêu cầu buộc bà L và ông G liên đới nghĩa vụ trả số tiền 960.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 13/2/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu bà L, ông G trả tiền vay. Bà L, ông G có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà L, ông G được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông G.

[2.2] Bà T ủy quyền cho bà N. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bà N tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho bà T theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.3] Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 nguyên đơn yêu cầu bà L và ông G trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử (Tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2024 đến ngày 24/10/2024 là 07 tháng, tổng số tiền lãi là 112.000.000 đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[3] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu ông G và bà L trả số tiền vay 960.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13/3/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Căn cứ để bà T khởi kiện bà L và ông G là *“Giấy nợ được bà L ký nhận ngày 13/3/2024 thể hiện số tiền bà L ký nhận nợ là 960.000.000 đồng”*.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T; ông G và bà L không có ý kiến trình bày, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa mà Tòa án triệu tập nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định ông, bà đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà T hay chưa.

Căn cứ vào chứng cứ bà T cung cấp xác định số tiền bà L ký nhận vay bà T là 960.000.000 đồng. Thời hạn vay hai bên thỏa thuận là 10 ngày, kể từ ngày 13/3/2024. Đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn trả (ngày 23/3/2024) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu của bà T đối với số tiền 960.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu bà L và ông G liên đới nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào *“Giấy nợ được bà L ký nhận ngày 13/3/2024 thể hiện số tiền bà L ký nhận nợ là 960.000.000 đồng”* bà L xác định quan hệ của ông bà là vợ chồng; ông G không ký nhận tuy nhiên mục đích vay để trả tiền ngân hàng; người làm chứng bà Huỳnh Bích P xác định là người giới thiệu cho ông G và bà L vay để trả nợ ngân hàng. Thời điểm giao nhận tiền ông G cũng có mặt và biết; quá trình giải quyết vụ án ông G cũng không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền này là nợ riêng của bà L. Do đó yêu cầu của bà T buộc ông G và bà L liên đới nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, Điều 128, khoản 4 Điều 147, 186, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu: Buộc Võ Phương L và ông Nguyễn Hoàng G trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 24/3/2024 cho đến ngày xét xử (Tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2024 đến ngày 24/10/2024 là 07 tháng, tổng số tiền lãi là 112.000.000 đồng);

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Buộc ông Nguyễn Hoàng G và bà Võ Phương L liên đới nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 960.000.000 (Chín trăm sáu mươi triệu đồng), đã vay theo “*Giấy nợ được bà L ký nhận ngày 13/3/2024 thể hiện số tiền bà L ký nhận nợ là 960.000.000 đồng*”.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng G và bà Võ Phương L phải nộp 40.800.000 (Bốn mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 20.080.000 (Hai mươi triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001743, ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

4/ Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hoàng G, bà Võ Phương L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành

án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu